| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ BẾN CÁT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huỳnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thắm.
2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà****:* Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 662/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/7/2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số nhà 244, Tổ 10, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B; có mặt.

*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Diễm P, sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà 244, Tổ 10, ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 27/6/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Thanh N trình bày:*

Năm 2003, ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Diễm P tự nguyện chung sống với nhau. Ông N và bà P có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh B. Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông N và bà P chung sống với nhau hạnh phúc, thương yêu và quan tâm lẫn nhau. Từ đầu năm 2022, ông N và bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm P.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Diễm P có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 09/9/2004 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 31/8/2010. Ông Nguyễn Thanh N yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo việc học tập của các con chung được ổn định, ông N đề nghị Tòa án không tiến hành lấy ý kiến của cháu T và cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh N không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị Diễm P trình bày:*

Năm 2003, bà Nguyễn Thị Diễm P và ông Nguyễn Thanh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh B. Quá trình chung sống, bà P cho rằng ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác nên ông N nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hiện tại, bà P và ông N không còn sống chung với nhau. Do bà P thường xuyên phải đi làm nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diễm P đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Diễm P và ông Nguyễn Thanh N có 02 người con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 09/9/2004 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 31/8/2010. Bà P yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho bà P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà P không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo việc học tập của con chung được ổn định, bà P đề nghị Tòa án không tiến hành lấy ý kiến của cháu T và cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Diễm P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Diễm P từ chối tham gia hòa giải, đối chất, các phiên họp và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm P.

Về con chung: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 09/9/2004 đã đủ 18 tuổi nên ông N không yêu cầu xem xét, giải quyết. Ông N giữ nguyên ý kiến giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 31/8/2010 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ông N không cấp dưỡng nuôi con. Ông N giữ nguyên ý kiến không tiến hành lấy ý kiến con vì không muốn ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung.

Về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện

đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Thanh N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm P.

Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 09/9/2004 đã đủ 18 tuổi, đề nghị không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 31/8/2010 cho bà Nguyễn Thị Diễm P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Thanh N yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với bà Nguyễn Thị Diễm P, đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Hiện tại, bà Nguyễn Thị Diễm P đang cư trú tại ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Diễm P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà P có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Diễm P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B (nay là thị xã B), tỉnh B vào năm 2003, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Ông Nguyễn Thanh N cho rằng mâu thuẫn giữa ông N và bà P đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu ly hôn với bà P. Bà P đồng ý ly hôn nhưng bà P không muốn tham gia tố tụng tại Tòa án và có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào lời trình bày của ông N và bà P xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bà P đồng ý ly hôn với ông N.

[5] Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Ông N và bà P không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa hai người không có biện pháp để hàn gắn tình cảm và không còn sống chung với nhau nên ông N yêu cầu ly hôn với bà P là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Diễm P có 02 con chung Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 09/9/2004 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 31/8/2010. Hiện tại, các con chung đang sống với bà P tại ấp K, xã A, thị xã B, tỉnh B. Hiện tại, cháu T đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ông N và bà P đều thống nhất giao cháu H cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà P không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích việc lấy ý kiến của con chung khi giải quyết vụ án theo quy định pháp luật nhưng ông N và bà P thống nhất từ chối việc lấy ý kiến con chung do không muốn ảnh hưởng đến tấm lý các con. Xét việc ông N và bà P từ chối Tòa án lấy ý kiến con chung là tự nguyện, ông N và bà P cũng không tranh chấp quyền nuôi con, do đó yêu cầu của ông N và bà P về việc giao cháu H cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ông N không phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Diễm P không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh N đối với bà Nguyễn Thị Diễm P về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Diễm P.

2. Về con chung:

- Con chung tên Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 09/9/2004 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Giao con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 31/8/2010 cho bà Nguyễn Thị Diễm P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Diễm P đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người

nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Diễm P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011799 ngày 07/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Huỳnh**